

Số: 26/KH-MNPM

Đức Phố, ngày 01 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 3853/UBND-KGVX ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP

Căn cứ Công văn số 2071/SGDĐT-GDMNTH ngày 08/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính Phủ;

Thực hiện Công văn của UBND phường Đức Phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ;

Trường Mầm non Phố Minh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và cha mẹ học sinh nhà trường.

Rà soát chính xác, khách quan và toàn diện thực trạng tình hình giáo dục mầm non (GDMN) tại trường bao gồm: mạng lưới trường lớp, số lượng trẻ em, đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất (CSVN) và trang thiết bị dạy học.

Làm cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn giai đoạn 2026 – 2030, phục vụ công tác tham mưu với UBND phường Đức Phố và các cấp có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

Công tác rà soát số liệu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phải đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và phản ánh đúng thực chất toàn diện tình hình nhà trường.

Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận; đảm bảo hoàn thành báo cáo đúng tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của UBND phường Đức Phổ

Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với Công an phường, Trưởng các thôn/tổ dân phố và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh trong việc đối chiếu, làm sạch dữ liệu dân cư, không để bỏ sót hoặc trùng lặp đối tượng trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi.

II. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt văn bản

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến 100% CBGVNV qua cuộc họp hội đồng sư phạm, họp chuyên môn và đến phụ huynh học sinh qua các buổi họp cha mẹ học sinh, bảng tin nhà trường, nhóm Zalo các lớp.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 15/11/2025.

Phụ trách: Ban Giám hiệu, đoàn thanh niên, Giáo viên chủ nhiệm các lớp.

2. Thực hiện rà soát số liệu và đánh giá thực trạng GDMN

Nội dung:

a) Rà soát số liệu:

Mạng lưới trường lớp, điểm trường; tổng số trẻ em trong độ tuổi từ 0–5 tuổi (đặc biệt tập trung đối tượng 3–5 tuổi trên địa bàn); đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên (đủ/thiếu, trình độ đào tạo); thực trạng CSVC, phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi tối thiểu.

b) *Đánh giá thực trạng:* Đánh giá toàn diện tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, các thuận lợi, khó khăn, vướng mắc thực tế tại đơn vị.

Phương pháp: GVCN phối hợp với Trưởng thôn/Tổ dân phố và Công an phường Đức Phổ kiểm tra, đối chiếu dữ liệu dân cư nhằm đảm bảo tính chuẩn xác.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 17/11/2025

Phụ trách: Bộ phận Chuyên môn, GV phụ trách Phổ cập, Kế toán, GVCN các lớp.

3. Xây dựng Báo cáo và Đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 2026 – 2030

Nội dung:

a) Đề xuất nhu cầu kinh phí và kiến nghị:

Lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện; đề xuất danh mục đầu tư CSVC, trang thiết bị, mua sắm đồ dùng dạy học; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho đội ngũ và trẻ em theo quy định tại Nghị định 277/2025/NĐ-CP.

Xây dựng báo cáo theo đúng Đề cương Báo cáo và hoàn thiện đầy đủ các phụ lục đính kèm theo chỉ đạo của UBND phường.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 19/11/2025.

Phụ trách: Hiệu trưởng, Kế toán, GV phụ trách Phổ cập.

4. Nhập liệu trực tuyến và nộp Báo cáo chính thức

Cập nhật dữ liệu: Tiến hành nhập toàn bộ số liệu rà soát

Gửi Báo cáo: Hoàn thiện Báo cáo thực trạng và Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026 – 2030 bằng văn bản điện tử, trình Hiệu trưởng ký duyệt và gửi về UBND phường qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.

Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 20/11/2025.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ – Phó hiệu trưởng:

Chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trực tiếp chỉ đạo nội dung Báo cáo đánh giá thực trạng, đề xuất kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 – 2030 và ký duyệt báo cáo nộp UBND phường Đức Phổ.

Đôn đốc, giám sát bộ phận chuyên môn, bán trú và giáo viên thực hiện nghiêm túc việc rà soát số liệu trẻ em, đội ngũ, CSVC.

Tham gia thẩm định tính chính xác của số liệu rà soát và nội dung các phụ lục báo cáo.

2. Bộ phận Kế toán nhà trường:

Chủ trì tổng hợp, tính toán và đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện giai đoạn 2026 – 2030 theo quy định tại Nghị định 277/2025/NĐ-CP.

Hoàn thiện các Phụ lục liên quan đến tài chính, CSVC, trang thiết bị.

3. Giáo viên phụ trách công tác Phổ cập & Giáo viên chủ nhiệm:

Rà soát chính xác danh sách trẻ 0–5 tuổi trên địa bàn phân công.

Trực tiếp nhập liệu và kiểm tra đối chiếu dữ liệu của UBND phường Đức Phổ.

Báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh về Ban Giám hiệu để xử lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, chủ động thực hiện đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ phận kịp thời báo cáo P. Hiệu trưởng để trực tiếp liên hệ với Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đức Phổ trao đổi, thống nhất thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị UBND phường Đức Phổ quan tâm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, Công an phường và Tổ trưởng các tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác rà soát dữ liệu dân cư và vận động trẻ ra lớp.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể phường tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân tích cực đưa trẻ 3–5 tuổi đến trường; tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách giáo dục trên địa bàn.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp, hỗ trợ cải tạo môi trường cảnh quan và chăm lo đời sống bán trú cho học sinh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025 – 2026 của Trường Mầm non Phổ Minh. Đề nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Đức Phổ (để b/cáo);
- Phòng VH &XH;
- BGH, các tổ chuyên môn (t/h)
- Giáo viên (t/h)
- Lưu: VT, HS PC



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Đức Phố, ngày 01 tháng 11 năm 2025

**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP ĐỔI
VỚI TRẺ 3-5 TUỔI**

(kèm theo Kế hoạch số 26/KH-MNPM ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Trường
Mầm non Phổ Minh về thực hiện Kế hoạch Phổ cập GDMN trẻ 3-5 tuổi)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ thực hiện công tác phổ cập đối với trẻ 3-5 tuổi	Thời gian thực hiện thực tế (tháng)	Kết quả sản phẩm, minh chứng
1	Huỳnh Thị Mỹ Lệ	P.Hiệu trưởng	MNPM	-Trực tiếp chỉ đạo, điều hành chung công tác PCGDMN 3–5 tuổi. -Tham mưu UBND phường Đức Phố và về kinh phí, CSVC, biên chế. -Phê duyệt Kế hoạch, Quyết định phân công và duyệt Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách cho trẻ -Kiểm tra tiêu chuẩn 2 -Trực tiếp chỉ đạo nâng cao chất lượng chuyên môn nuôi dạy các khối 3, 4, 5 tuổi. -Chỉ đạo công tác điều tra số liệu, rà soát đối tượng trẻ chính sách. - Quản lý, kiểm tra công tác nhập liệu	Tháng 8/2025 – Tháng 5/2026 (<i>Thường xuyên cả năm học theo dõi chất lượng nuôi dạy và quản lý công tác bán trú trong 07 tháng thụ hưởng</i>))	Quyết định thành lập BCD PCGDMN. Kế hoạch PCGDMN năm học 2025–2026. Tờ trình & Quyết định phê duyệt danh sách thụ hưởng kinh phí 07 tháng. Biên bản tự kiểm tra tiêu chuẩn 1,2,3

				trên phần mềm PCGD-XMC và hồ sơ minh chứng phổ cập theo quy định. -Kiểm tra tiêu chuẩn 1 Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và an toàn bán trú cho trẻ 3–5 tuổi ra lớp PCGDMN. Xây dựng thực đơn bán trú cân đối dinh dưỡng; kiểm soát công tác an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn. Chỉ đạo theo dõi biểu đồ tăng trưởng, khám sức khỏe định kỳ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện bữa ăn bán trú cho trẻ trong 07 tháng thụ hưởng. Kiểm tra tiêu chuẩn 3		
2	Đặng Thị Thọ	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi (phụ trách CTPC)		Quản lý tài khoản phần mềm PCGD-XMC của nhà trường. Cập nhật, khớp nối dữ liệu trẻ 0–5 tuổi từ Cơ sở dữ liệu dân cư phường Đức Phổ. Lập danh sách trẻ từ 3 đến 5 tuổi Tổng hợp số liệu, xuất biểu mẫu	Rà soát & nhập số liệu: T8 – T10/2025 Cập nhật biến động & chốt danh sách: T11/2025 – T5/2026	Dữ liệu chuẩn xác 100% trên phần mềm PCGD-XMC. Biểu thống kê PCGDMN theo Nghị định 277. Hồ sơ tự kiểm tra đạt chuẩn PC theo từng độ tuổi được phân công.
				Trực tiếp đi điều	Điều tra, lập	Phiếu điều tra trẻ

3	Trần Thị Kim Lan	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chấm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
4	Nguyễn Tuyết Mai	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chấm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 4-5 tuổi.
5	Ngô Thị Diễm Ngân	Giáo viên dạy lớp 4-5 tuổi	Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 4-5T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chấm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối

				theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.		độ tuổi 4-5 tuổi.
6	Phạm Thế Quyên	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
7	Huỳnh Thị Yến	Giáo viên dạy lớp 3-4 tuổi		Trực tiếp đi điều tra, rà soát số liệu trẻ trên địa bàn được phân công. Lập danh sách trẻ thuộc lớp mình quản lý đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ Duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần theo kế hoạch của nhà trường Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Điều tra, lập danh sách: T8 – T10/2025 Theo dõi, điểm danh & nuôi dạy: (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026)	Phiếu điều tra trẻ 3-4 tuổi theo địa bàn. Danh sách đề nghị hỗ trợ chính sách trẻ 3-4T Sổ theo dõi trẻ, Bảng chăm ăn bán trú Phiếu đánh giá phát triển trẻ cuối độ tuổi 3-4 tuổi.
		Kế toán		Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho trẻ 3-5 tuổi và giáo viên theo Nghị định 277.	Lập dự toán & thẩm định: T9 – T10/2025 Thực hiện	Bảng tổng hợp đề nghị dự toán kinh phí hỗ trợ Bảng kê/Danh sách ký nhận tiền

8	Lương Thị Như Ngọc			Xét duyệt, thẩm định hồ sơ thụ hưởng chuẩn xác đúng 07 tháng (T11, 12/2025 & T1, 2, 3, 4, 5/2026). Chi trả kinh phí hỗ trợ minh bạch, đúng thời gian và quyết toán tài chính với ngân sách. Kiểm tra biểu mẫu tài chính	chi trả & quyết toán: T11/2025 – T5/2026	trích nộp hoặc chuyển khoản cho phụ huynh. Báo cáo quyết toán tài chính PCGDMN.
---	--------------------	--	--	--	---	---

Nơi nhận:

- UBND phường Đức Phò (để b/cáo);
- Phòng VH &XH;
- BGH, các tổ chuyên môn (t/h)
- Giáo viên (t/h)
- Lưu: VT, HS PC



PHIẾU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

22/1/77



Số: 36/KH-MNPH

Đức Phố, ngày 01 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 3853/UBND-KGVX ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP

Căn cứ Công văn số 2071/SGDDT-GDMNTH ngày 08/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính Phủ;

Thực hiện Công văn của UBND phường Đức Phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ;

Trường Mầm non Phổ Hoà xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV) và cha mẹ học sinh nhà trường.

- Rà soát chính xác, khách quan và toàn diện thực trạng tình hình giáo dục mầm non (GDMN) tại trường bao gồm: mạng lưới trường lớp, số lượng trẻ em, đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất (CSVN) và trang thiết bị dạy học.

- Làm cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn giai đoạn 2026 – 2030, phục vụ công tác tham mưu với UBND phường Đức Phố và các cấp có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

- Công tác rà soát số liệu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phải đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và phản ánh đúng thực chất toàn diện tình hình nhà trường.

- Xây dựng báo cáo theo đúng Đề cương Báo cáo và hoàn thiện đầy đủ các phụ lục đính kèm theo chỉ đạo của UBND phường.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 19/11/2025.

- Phụ trách: Hiệu trưởng, Kế toán, GV phụ trách Phổ cập.

4. Nhập liệu trực tuyến và nộp Báo cáo chính thức

- Cập nhật dữ liệu: Tiến hành nhập toàn bộ số liệu rà soát

- Gửi Báo cáo: Hoàn thiện Báo cáo thực trạng và Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026 – 2030 bằng văn bản điện tử, trình Hiệu trưởng ký duyệt và gửi về UBND phường qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành.

- Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 20/11/2025.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Bà Võ Thị Thu Thảo – Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Trực tiếp chỉ đạo nội dung Báo cáo đánh giá thực trạng, đề xuất kinh phí, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 – 2030 và ký duyệt báo cáo nộp UBND phường Đức Phổ.

2. Phó Hiệu trưởng

- Bà Võ Thị Hồng Duyên:

+ Tham mưu xây dựng kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo điều tra, cập nhật dữ liệu; kiểm tra hồ sơ; tổng hợp số liệu; lập báo cáo định kỳ; tham gia kiểm tra công tác phổ cập; tham mưu hoàn thiện hồ sơ kiểm tra công nhận phổ cập.

+ Đôn đốc, giám sát bộ phận chuyên môn, ban trú và giáo viên thực hiện nghiêm túc việc rà soát số liệu trẻ em, đội ngũ, CSVC.

+ Tham gia thẩm định tính chính xác của số liệu rà soát và nội dung các phụ lục báo cáo.

3. Kế toán nhà trường

- Tổng hợp, tính toán và đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện giai đoạn 2026 – 2030 theo quy định tại Nghị định 277/2025/NĐ-CP.

- Hoàn thiện các Phụ lục liên quan đến tài chính, CSVC, trang thiết bị.

4. Giáo viên

- Rà soát chính xác danh sách trẻ 0–5 tuổi trên địa bàn phân công.

- Tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp

- Trực tiếp nhập liệu và kiểm tra đối chiếu dữ liệu của UBND phường Đức Phổ.

- Báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh về Ban Giám hiệu để xử lý.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ đề cao trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, chủ động thực hiện đúng tiến độ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ phận kịp thời báo cáo Hiệu trưởng để trực tiếp liên hệ với Phòng Văn hóa - Xã hội phường Đức Phổ trao đổi, thống nhất thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị UBND phường Đức Phổ quan tâm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, Công an phường và Tổ trưởng các tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác rà soát dữ liệu dân cư và vận động trẻ ra lớp.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể phường tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân tích cực đưa trẻ 3-5 tuổi đến trường; tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách giáo dục trên địa bàn.

- Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp, hỗ trợ cải tạo môi trường cảnh quan và chăm lo đời sống bán trú cho học sinh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025 – 2026 của Trường Mầm non Phổ Hoà. Đề nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Đức Phổ (để b/cáo);
- Phòng VH &XH;
- BGH, các tổ chuyên môn (t/h);
- Giáo viên (t/h);
- Lưu: VT, HS PC./.

HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Thu Thảo

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP ĐỐI VỚI TRẺ 3-5 TUỔI
(Kèm theo Kế hoạch số 36/KH-MNPH ngày 01 tháng 11 năm 2025 của Trường Mầm non Phổ Hoà về thực hiện Kế hoạch Phổ cập GDMN trẻ 3-5 tuổi)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ thực hiện công tác phổ cập đối với trẻ 3-5 tuổi	Thời gian thực hiện thực tế (tháng)	Kết quả sản phẩm, minh chứng
1	Võ Thị Thu Thảo	Hiệu trưởng	MN Phổ Hoà	- Chỉ đạo chung công tác phổ cập GDMN trẻ 3-5 tuổi; phân công nhiệm vụ; phối hợp với địa phương; kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả; ký các báo cáo, hồ sơ phổ cập. - Kiểm tra tiêu chuẩn 2	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ điều tra. - Quyết định phân công nhiệm vụ. - Biên bản họp Ban chỉ đạo. - Hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận phổ cập. - Biên bản kiểm tra
2	Võ Thị Hồng Duyên	Phó Hiệu trưởng	MN Phổ Hoà	- Tham mưu xây dựng kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo điều tra, cập nhật dữ liệu; kiểm tra hồ sơ; tổng hợp số liệu; lập báo cáo định kỳ; tham gia kiểm tra công tác phổ cập; tham mưu hoàn thiện hồ sơ kiểm tra công nhận phổ cập. - Kiểm tra tiêu chuẩn 1	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Kế hoạch thực hiện phổ cập. - Các biểu mẫu thống kê - Biên bản kiểm tra - Báo cáo định kỳ, báo cáo năm. - Hồ sơ phổ cập được rà soát, hoàn thiện - Biên bản kiểm tra - Danh sách trẻ 3-5 tuổi. - Dữ liệu cập nhật trên phần mềm PCGD-XMC.

3	Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên 3-4 tuổi	MN Phổ Hoà	- Điều tra, rà soát trẻ trong độ tuổi; tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp; cập nhật thông tin trẻ; phối hợp gia đình theo dõi chuyên cần; hoàn thiện hồ sơ phổ cập theo phân công. - Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Danh sách trẻ. - Hồ sơ lớp: sổ theo dõi, điểm danh; cân đo, phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi
4	Trương Thị Vương	Giáo viên 3-4 tuổi	MN Phổ Hoà	- Điều tra, rà soát trẻ trong độ tuổi; tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp; cập nhật thông tin trẻ; phối hợp gia đình theo dõi chuyên cần; hoàn thiện hồ sơ phổ cập theo phân công. - Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Danh sách trẻ. - Hồ sơ lớp: sổ theo dõi, điểm danh; cân đo, phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi
5	Phạm Thị Ngọc Xuyên	Giáo viên 4-5 tuổi	MN Phổ Hoà	- Điều tra, rà soát trẻ trong độ tuổi; tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp; cập nhật thông tin trẻ; phối hợp gia đình theo dõi chuyên cần; hoàn thiện hồ sơ phổ cập theo phân công. - Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Danh sách trẻ. - Hồ sơ lớp: sổ theo dõi, điểm danh; cân đo, phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi

6	Nguyễn Minh Thư	Giáo viên 4-5 tuổi	MN Phổ Hoà	- Điều tra, rà soát trẻ trong độ tuổi; tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp; cập nhật thông tin trẻ; phối hợp gia đình theo dõi chuyên cần; hoàn thiện hồ sơ phổ cập theo phân công. - Đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Danh sách trẻ. - Hồ sơ lớp: sổ theo dõi, điểm danh; cân đo, phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi
7	Toàn thể giáo viên ở các lớp Nhà trẻ- MG Lớn.	Giáo viên	MN Phổ Hoà	Thực hiện điều tra theo địa bàn; tuyên truyền huy động trẻ; cập nhật thông tin trẻ; phối hợp hoàn thiện hồ sơ phổ cập.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Danh sách trẻ điều tra theo địa bàn.
8	Lại Thị Hồng Lĩnh	Kế toán	MN Phổ Hoà	Tham mưu lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác phổ cập, lưu trữ chứng từ theo quy định.	Từ tháng 11/2025 đến tháng 05/2026	- Dự toán kinh phí - Bảng thanh toán hỗ trợ - Chứng từ chi tiêu - Báo cáo quyết toán

Đức Phổ, ngày 01 tháng 11 năm 2025

HUẾU TRƯỞNG



Võ Thị Thu Thảo



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên: NGUYỄN THỊ THƠM

Ngày, tháng, năm sinh: 07/11/2021 ghi bằng chữ: Ngày bảy, tháng mười một,
năm hai nghìn không trăm hai mươi một

Giới tính: Nữ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện Mỹ Phước, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh

Quê quán: Tổ dân phố Nho Lâm, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051321010791

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Năm sinh: 09/07/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nho Lâm, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: NGUYỄN VĂN QUÝ

Năm sinh: 06/10/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Khóm Long Thạnh C, phường Long Phú, tỉnh An Giang

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Giấy tờ tùy thân: Thẻ căn cước công dân số 051183007734, Cục Cảnh sát quản lý
hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/06/2022

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 31/03/2026

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Đã ký)

Hoàng Hải

TỈNH QUẢNG NGÃI
UBND PHƯỜNG ĐỨC PHỔ
Số: 348/2026/GKS-BS

Sao từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
Đức Phổ, ngày 01 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

Số: 123/GCN-HN.HCN

Đức Phố, ngày 09 tháng 12 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Đức Phố về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn phường Đức Phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đức Phố chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: **NGUYỄN TẤN KIẾN**; Dân tộc: Kinh

Số CCCD: 051054000868; ngày cấp.....

Nơi thường trú: Tổ dân phố Nho Lâm, phường Đức Phố, tỉnh Quảng Ngãi.

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Nguyễn Tấn Kiến	Kinh	Chủ hộ	1954		

2	Trần Thị Đạo	Kinh	Vợ		1957	
3	Nguyễn Thị Hương	Kinh	con		1983	
4	Nguyễn Thị Thơm	Kinh	con		2021	
5	Nguyễn Long Thành	Kinh	con	2009		

II. Kết quả phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2026		Ngày 09 tháng 12 năm 2025													
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND phường Đức Phổ													
☐ CN		PHÓ CHỦ TỊCH													
	<table border="1"> <tr> <td>☒ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☒ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☒ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☒ 1	☐ 3	☒ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☒ 8	☐ 10	☐ 12	 Đỗ Ngọc Thìn	
☒ 1	☐ 3	☒ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11										
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☒ 8	☐ 10	☐ 12										

Ghi chú về các từ viết tắt:

- N: Hộ nghèo; CN: Hộ cận nghèo;
- Các số từ 1 - 12 viết tắt về các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ thể:

1. Việc làm; 2. Người phụ thuộc trong hộ gia đình; 3. Dinh dưỡng; 4. Bảo hiểm y tế; 5. Trình độ giáo dục người lớn; 6. Tình trạng đi học của trẻ em; 7. Chất lượng nhà ở; 8. Diện tích nhà ở bình quân đầu người; 9. Nguồn nước sinh hoạt; 10. Nhà tiêu hợp vệ sinh; 11. Sử dụng dịch vụ viễn thông; 12. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

(Ghi X vào ô tương ứng với kết quả phân loại Hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 42874... Quyển số: 2 SCT/BS

NGÀY: 06-04-2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐỨC PHỐ

CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
ĐỨC PHỐ

Đặng Văn Phúc

C.T.H.D
NG
IUNG
HỒ
QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên: HUỖNH KIÊN

Ngày, tháng, năm sinh: 25/3/2021
năm hai nghìn không trăm hai mươi một

ghi bằng chữ: Ngày hai mươi lăm, tháng ba,

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Tổ Dân Phố 4, phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051221002041

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: PHẠM THỊ TIẾN

Năm sinh: 20/9/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ Dân Phố 1, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: HUỖNH TRUNG

Năm sinh: 04/5/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ Dân Phố 4, phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: HUỖNH TRUNG

Giấy tờ tùy thân: Giấy CMND số 211914482, Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/3/2011

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 05/5/2021

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, và đóng dấu)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2.2.86 quyền số 01/2021... SCT/PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày

17-09-2021

CÔNG CHỨNG



Nguyễn Xuân Tám

BTP/KS/TS915

CÔNG CHỨNG VIÊN

Hoàng Thị Hương

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHỔ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 37/GCN-HN.HCN

Phổ Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ
tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Minh chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: Huỳnh Hoa;

Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND:

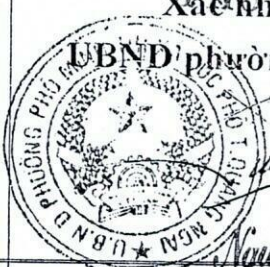
Ngày cấp:

Nơi thường trú: TDP 4, phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Huỳnh Hoa	Kinh	Chủ hộ	20/04/1940		
2	Nguyễn Thị Tằng	Kinh	Vợ		01/01/1942	
3	Huỳnh Trung	Kinh	Con	04/05/1974		
4	Huỳnh Văn Hậu	Kinh	Con	11/03/1980		
5	Huỳnh Kiên	Kinh	Cháu	25/03/2021		
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		Ngày ... tháng năm 202.... Xác nhận của UBND phường Phổ Minh											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>		☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2023		Ngày ... tháng ... năm 202.... Xác nhận của UBND phường Phổ Minh											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 0</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>		☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 0
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 0	☐ 12								
NĂM 2024		Ngày .. tháng .. năm 202.. Xác nhận của Chủ tịch UBND phường Phổ Minh											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☐ CN	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>		☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2025		Ngày 11 tháng 01 năm 2025 Xác nhận của Chủ tịch UBND phường Phổ Minh											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN												
☒ CN	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>		☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
Ngày 15/10/2025 CÔNG CHỨNG VIÊN		 Nguyễn Tấn Phát											
NĂM 2026		Ngày tháng ... năm 202... Xác nhận của UBND phường Phổ Minh											



CÔNG CHỨNG VIÊN
 Hoàng Thị Hương



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên: **LÊ QUANG THẢO**

Ngày, tháng, năm sinh: 13/6/2021

ghi bằng chữ: Ngày mười ba, tháng sáu, năm

hai nghìn không trăm hai mươi một

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Đặng Thùy Trâm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Dầu Giồng, Trung Bình, Long Phú, Sóc Trăng

Số định danh cá nhân: 051221005328

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: **PHẠM THỊ KIM LOAN**

Năm sinh: 28/6/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tổ Dân Phố Nhỏ Lâm, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: **LÊ VĂN NGHĨA**

Năm sinh: 1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Dầu Giồng, Trung Bình, Long Phú, Sóc Trăng

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: **PHẠM THỊ KIM LOAN**

Giấy tờ tùy thân: Thẻ căn cước công dân số 051185001632, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 14/4/2021

Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày, tháng, năm đăng ký: 26/7/2021 T/BS

Ngày 14-10-2025

CÔNG CHỨNG VIỆN

VĂN PHÒNG

CÔNG CHỨNG

ĐANG THỰC HIỆN

QUẢNG NGÃI

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, và đóng dấu)

PCT UBND

CÔNG CHỨNG

Hoàng Thị Hương

Nguyễn Công Trí



Mẫu số 03. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHỔ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/GCN- HCN

Phổ Hòa, Ngày 05 tháng 02 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ
tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa chứng nhận:*

Hộ gia đình ông/bà Phạm Thị Kim Loan; Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND: Ngày cấp

Nơi thường trú: TDP Nho Lâm, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh
Quảng Ngãi

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Phạm Thị Kim Loan	Kinh	Chủ hộ		1985	
2	Lê Văn Nghĩa	Kinh	Chồng	1989		
3	Phạm Lê Quỳnh Như	Kinh	Con		2013	
4	Phạm Lê Quang Hiếu	Kinh	Con	2015		
5	Lê Quang Thảo	Kinh	Con	2021		
6						
7						

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 – 2025

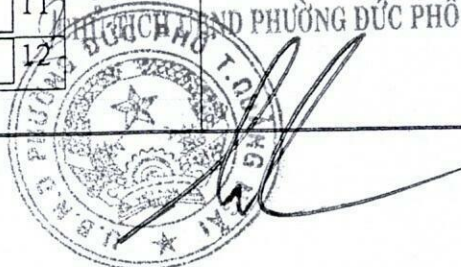
NĂM 2022		Ngày 18 tháng 10 năm 2022 Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN													
☒ CN														
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12	
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11									
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12									
NĂM 2023		ngày 10 tháng 5 năm 2023 Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN													
☒ CN														
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12	
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11									
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12									
NĂM 2024		ngày tháng năm Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN													
☐ CN														
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12	
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11									
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12									
NĂM 2025		ngày 05 tháng 02 năm 2025 Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN													
☒ CN														
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12	
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11									
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12									
NĂM 2026		ngày tháng năm Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa												
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN													
☐ CN														
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12	
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11									
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12									

Xác nhận của Chủ tịch
UBND Phố Hòa



Nguyễn Công桂

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số CT: 499/2025/UBND-PT. Quyền Số: 2 - SCT/BS
 Ngày: 13/10/2025



Hoàng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64



GIẤY KHAI SINH

Họ, chữ đệm, tên: TRẦN LÊ PHƯƠNG LAN

Ngày, tháng, năm sinh: 29/8/2022

ghi bằng chữ: Ngày hai mươi chín, tháng

tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051322005417

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: LÊ THỊ LỆ TÂM

Năm sinh: 03/10/2004

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: TRẦN NGỌC THẠCH

Năm sinh: 08/12/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Đã chết

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: LÊ THỊ LỆ TÂM

Giấy tờ tùy thân: Thẻ căn cước công dân số 051304000530, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 15/4/2021

Nơi đăng ký khai sinh: UBND Phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 03/11/2022

Số chứng thực: 1327, quyển số 06202, SCT/BS

Ngày



NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, và đóng dấu)

CHỦ TỊCH



CÔNG CHỨNG

Hoàng Thị Hương

Phạm Ngọc Thạch

BTP/KS/25611

Số: 15/GCN-HN.HCN

Phổ Hòa, Ngày 09 tháng 01 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 về công
nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều
giai đoạn 2022-2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà: Lê Thị Lệ Tâm ; Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND: 051304000530..... Ngày cấp 15/01/2021.....

Nơi thường trú: TDP An Thường, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh
Quảng Ngãi

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Lê Thị Lệ Tâm	Kinh	Chủ hộ		2004	
2	Trần Lê Phương Thùy	Kinh	Con		2020	
3	Trần Lê Phương Lan	Kinh	Con		2022	

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		Ngày tháng năm 2022										
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa										
☐ CN												
<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>			☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11							
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12							
NĂM 2023		Ngày tháng năm										
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa										
☐ CN												
<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>			☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11							
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12							
NĂM 2024		Ngày 09 tháng 01 năm 2024										
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa										
☒ CN												
<table border="1"> <tr> <td>☒ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☒ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>			☒ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☒ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8
☒ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11							
☒ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12							
NĂM 2025		Ngày 01 tháng 01 năm 2025										
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa										
☐ CN												
<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>			☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11							
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12							
NĂM 2026		Ngày tháng năm										
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phố Hòa										
☐ CN												
<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>			☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11							
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12							



Số: 65

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên: TRẦN DƯƠNG THANH TÂM

Ngày, tháng, năm sinh: 28/10/2022

Ghi bằng chữ: Ngày hai mươi tám, tháng

mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Quê quán: Phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số định danh cá nhân: 051322005459

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: DƯƠNG THỊ LÀI

Năm sinh: 02/9/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người cha: TRẦN ĐÌNH SƠN

Năm sinh: 20/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh: TRẦN ĐÌNH SƠN

Giấy tờ tùy thân: Thẻ căn cước công dân số 051091000975, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 14/4/2021

Nơi đăng ký khai sinh: UBND Phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Ngày, tháng, năm đăng ký: 04/11/2022

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thạch

TỈNH QUẢNG NGÃI
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
UBND PHƯỜNG PHỔ HÒA
Số: 180/GKS-BS

Sao từ Sổ đăng ký khai sinh
Phổ Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Thạch



Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi theo số trong Sổ đăng ký khai sinh.
- ⁽²⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Giấy khai sinh.
- ⁽³⁾ Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.
- ⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: “Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử”.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHỔ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/GCN-HN.HCN

Phổ Hòa, Ngày 06 tháng 02 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ
tịch Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa chứng nhận:*

Hộ gia đình ông/bà: Dương Thị Lại; Dân tộc: Kinh

Số CCCD/CMND: Ngày cấp

Nơi thường trú: TDP Hiền Văn, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh
Quảng Ngãi

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	Dương Thị Lại	Kinh	Chủ hộ		1995	
2	Trần Đình Sơn	Kinh	Chồng	1991		
3	Trần Dương Thanh Lan	Kinh	Con		2018	
4	Trần Dương Thanh Hương	Kinh	Con		2015	
5	Trần Dương Thanh Ngọc	Kinh	Con		2020	
6	Trần Dương Thanh Tâm	Kinh	Con		2022	

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

NĂM 2022		Ngày tháng năm 2022											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phường											
☒ CN													
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2023		ngày 06 tháng 10 năm 2023											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phường											
☒ CN													
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2024		ngày tháng năm											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phường											
☐ CN													
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2025		ngày 06 tháng 02 năm 2025											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phường											
☒ CN													
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								
NĂM 2026		ngày tháng năm											
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND Phường											
☐ CN													
	<table border="1"> <tr> <td>☐ 1</td> <td>☐ 3</td> <td>☐ 5</td> <td>☐ 7</td> <td>☐ 9</td> <td>☐ 11</td> </tr> <tr> <td>☐ 2</td> <td>☐ 4</td> <td>☐ 6</td> <td>☐ 8</td> <td>☐ 10</td> <td>☐ 12</td> </tr> </table>	☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11	☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12
☐ 1	☐ 3	☐ 5	☐ 7	☐ 9	☐ 11								
☐ 2	☐ 4	☐ 6	☐ 8	☐ 10	☐ 12								